

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Quang

2. Bà Bùi Thị Lài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2016/TLST-DS, ngày 26/12/2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16a/2017/QĐXXST-DS, ngày 26/6/2017. Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2017/QĐST-DS ngày 26/7/2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2017/QĐST-DS ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Phan Thị B. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D. Vắng mặt lần 02 không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Thùy Ph. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn ĐA, huyện ĐS, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị B trình bày: Do chỗ quen biết là hàng xóm với nhau nên ngày 03/8/2015 vợ chồng anh Nguyễn Văn D, chị Lê Thị Thùy Ph có đến nhà chị Phan Thị B để vay số tiền 200.000.000đ về đáo hạn Ngân hàng. Khi cho vay tiền thì có mặt anh D, chị Ph nhận tiền nhưng do chị Ph bế con nhỏ nên anh D viết giấy và ký vào giấy vay tiền còn chị Ph thì không ký. Thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 03/8/2015 đến ngày 03/9/2015, Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau cứ 10 ngày anh D trả lãi cho chị B một lần số tiền lãi 2.000.000đ (Hai triệu đồng) trên tổng số nợ gốc và 01 tháng là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Đến hạn trả nợ anh D không trả số tiền gốc mà chỉ trả được số tiền lãi ba đợt tổng cộng là 6.000.000đ theo như hai bên

thỏa thuận miệng, còn số tiền gốc thì anh D xin khất trả sau vì hoàn cảnh khó khăn, chị Bé vẫn cho anh D nợ theo thỏa thuận nhưng sau đó chị có yêu cầu anh D, chị Ph trả số tiền nợ nhưng không được. Vì vậy chị B yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh D phải trả cho chị B tổng số tiền nợ gốc là 200.000.000đ.

Tại phiên tòa ngày 11 tháng 8 năm 2017 anh Nguyễn Văn D cho rằng có việc vợ chồng anh mượn tiền của chị B với số tiền là 200.000.000đ nhưng chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền đề ngày 03/8/2015 không phải do anh viết và ký ra, đề nghị giám định.

Nguyên đơn chị Phan Thị B khẳng định có cho anh D mượn số tiền 200.000.000đ và chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền là do anh D viết ra, nếu anh D không đồng ý thì có thể giám định chữ viết, chữ ký của anh D.

Các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song đề nghị tạm ngừng phiên tòa để tiến hành giám định.

Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền đề ngày 03/8/2015 do nguyên đơn giao nộp và các tài liệu mẫu là chữ viết bản tự khai của anh D ngày 28/03/2017, chữ ký trong biên bản giao thông báo hòa giải ngày 28/03/2017, chữ ký biên bản giao thông báo thụ lý vụ án của anh Nguyễn Văn D ngày 26/12/2016 là các tài liệu được thu thập trong vụ án khác. Kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đăk Nông xác định chữ viết và chữ ký trong “Giấy mượn tiền” ngày 03/8/2015 và các mẫu gửi giám định là do cùng một người viết ra.

Tại phiên tòa hôm nay này 11 tháng 9 năm 2017 người có quyền quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thùy Ph vợ anh Nguyễn Văn D trình bày: Chị Ph thừa nhận anh D chồng chị và chị có vay của chị B số tiền 200.000.000đ hiện nay chưa trả, tuy nhiên chị cho rằng phải còn 01 giấy mượn tiền 200.000.000đ có chữ ký của chị và chồng chị mới là chính xác. Còn giấy chữ ký và chữ viết trong giấy nợ tiền do nguyên đơn giao nộp chị mới nhìn thấy sau khi tòa án cung cấp chứng cứ, chị xác nhận chữ ký và chữ viết là của anh D chồng chị, nhưng chị mới nhìn thấy sau này, do chứng cứ chỉ là một phần của tờ giấy nên phân ghi lỗi phía gốc là viết sau chị đề nghị cho giám định tuổi mực để làm rõ.

Đối với anh Nguyễn Văn D Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh D không đến tòa án để làm việc cũng không có đơn yêu cầu phản tố. Đến phiên tòa ngày 11 tháng 8 năm 2017 anh D có tham gia phiên tòa nhưng phiên tòa nay ngày 11 tháng 9 năm 2017 anh D lại vắng mặt tại phiên tòa không lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bên nguyên đơn chấp hành tốt, bên bị đơn anh Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thùy Ph chấp hành chưa tốt cụ thể trong các giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đều không có mặt mặc dù đã đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Đến phiên tòa hôm nay, chỉ có chị Ph tham gia phiên tòa. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song phát biểu ý kiến qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh

tụng tại phiên tòa hôm nay đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị B. Buộc anh D, chị Ph phải trả cho chị B số tiền là 200.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, không ai có ý kiến bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:* Chị Phan Thị B khởi kiện anh Nguyễn Văn D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Chị Phan Thị B có cho vợ chồng anh D, chị Ph vay tiền vào ngày 03/8/2015, thời hạn trả vào ngày 03/9/2015. Đến ngày 13/12/2016 chị B làm đơn khởi kiện. Vì vậy, thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn anh Nguyễn Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thùy Ph. Tuy nhiên, anh D và chị Phương không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được với anh D và chị Ph, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải được giữa các đương sự với nhau. Đối với anh Nguyễn Văn D, Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh D không đến tòa án để làm việc cũng không có đơn yêu cầu phản tố. Đến phiên tòa ngày 11 tháng 8 năm 2017 anh D có tham gia phiên tòa nhưng phiên tòa hôm nay ngày 11 tháng 9 năm 2017 anh D lại vắng mặt tại phiên tòa không lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử theo quy định. Việc này thể hiện sự chấp hành pháp luật chưa của bị đơn mà còn thể hiện hiện việc bị đơn tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 BLTTDS.

[3] *Xét Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu của đương sự:* Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng Hợp đồng vay tài sản giữa chị B và anh D là có thật, được chị Ph thừa nhận và thể hiện qua giấy mượn tiền được xác lập vào ngày 03/8/2015 thời hạn trả nợ vào ngày 03/9/2015 và chữ ký trong giấy đúng là chữ ký của anh Nguyễn Văn D. Việc vay tài sản giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2005 quy định: *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*

[4] Xét yêu cầu của chị Bé về việc yêu cầu anh D, chị Ph trả số tiền 200.000.000đ: HĐXX thấy rằng: Anh D, chị Ph đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D chị Ph không có ý kiến gì. Tại phiên tòa ngày 11 tháng 8 năm 2017 anh Nguyễn Văn D cho rằng có việc vợ chồng anh mượn tiền của chị B với số tiền là 200.000.000đ chưa trả nhưng chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền đề ngày 03/8/2015 không phải do anh viết và ký ra. Nguyên đơn cho rằng đây là chứng cứ do bị đơn viết và ký, nếu không đồng ý thì đề nghị Tòa án trung cầu giám định. Tòa án tiến hành trung cầu giám định chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền đề ngày 03/8/2015 do nguyên đơn giao nộp và các tài liệu mẫu là chữ viết bản tự khai của anh D ngày 28/03/2017, chữ ký trong biên bản giao thông báo hòa giải ngày 28/03/2017, chữ ký biên bản giao thông báo thụ lý vụ án của anh Nguyễn Văn D ngày 26/12/2016 là các tài liệu được thu thập trong vụ án khác. Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Nông xác định chữ viết và chữ ký trong “Giấy mượn tiền” ngày 03/8/2015 và các mẫu gửi giám định là do cùng một người viết ra. Như vậy nguyên đơn đã đưa ra chứng cứ để chứng minh việc bị đơn có nợ nguyên đơn điều này phù hợp với khoản 1 và khoản 4 Điều 91 BLTTDS “1/ Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...” “ 4/Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”

Tại phiên tòa ngày 11 tháng 9 năm 2017 chị Phương cho rằng chị thừa nhận còn nợ chị B số tiền 200.000.000đ chưa trả, chữ ký trong giấy vay tiền do nguyên đơn giao nộp là chữ viết và chữ ký của chồng chị là anh D, nhưng còn một chứng cứ khác là giấy vay tiền có chữ viết và chữ ký của vợ chồng chị mới là chứng cứ thể hiện việc nợ, chị yêu cầu giám định tuổi mực với phần viết trả lãi ở cuối gốc tờ giấy, nhưng chị Ph không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 BLTTDS thì “ Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó...; 4/ Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Số tiền lãi 6.000.000đ đã trả do chị Ph, anh D không yêu cầu tính lại và chị Phan Thị B không yêu cầu tính lãi nên phần tính lãi HĐXX không xem xét. Do chị Ph không đưa ra được chứng cứ nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của chị Ph.

HĐXX thấy rằng anh D là bên vay nên quyền và nghĩa vụ của bên vay được xác lập theo quy định tại khoản 1 Điều 474 BLDS năm 2005 “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”. Anh D phải có nghĩa vụ thanh toán tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 290 BLDS năm 2005 “1/ Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận” anh D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc vợ chồng anh D phải trả cho chị B số tiền gốc 200.000.000đ. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa chị Ph vợ anh D thừa nhận anh D và chị vay

số tiền trên để sử dụng chung trong gia đình nên cần buộc chị Ph phải có nghĩa vụ trả số nợ trên cùng với anh D cho chị B

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Ngọc Ch là người sống chung như vợ chồng với chị B về số tiền anh D, chị Ph. Ông Ch, chị B đều xác định đây là khoản tiền riêng của chị B không liên quan đến ông Ch, vì vậy HĐXX không đưa ông Ch tham gia với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị B, buộc anh Nguyễn Văn D, chị Lê Thị Thùy Ph phải trả cho chị Phan Thị B số tiền gốc 200.000.000đ

[7] Chi phí giám định là 3.500.000đ: Anh Nguyễn Văn D phải chịu chi phí trên, chị Bé đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên anh D phải trả lại cho chị B số tiền trên là 3.500.000đ

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên buộc anh D, chị Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả lại cho bà Phan Thị B 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003982 ngày 26/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143; Điều 147; Điều 264; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 1 Điều 471; khoản 1, khoản 4 Điều 474 BLDS năm 2005**; Khoản 2 Điều 26 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị B. Buộc anh Nguyễn Văn D, chị Lê Thị Thùy Ph phải trả cho chị Phan Thị B số tiền nợ gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm thi hành án.

Về chi phí giám định là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng): Buộc anh Nguyễn Văn D phải trả cho chị Phan Thị B 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí giám định.

Về án phí DSST: Buộc anh Nguyễn Văn D, chị Lê Thị Thùy Ph phải nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Phan Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai số 0003982 ngày 26/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thùy Ph có mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bản án

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ Hộ đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng